

Số: **4110** /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày **24** tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án và dự toán kinh phí thực hiện Dự án “Điều tra, bảo tồn loài Voọc xám (*Trachypithecus phayrei*), các loài Cu li (*Nycticebus spp.*) tại Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, huyện Quan Hóa”.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004; Luật Đa dạng sinh học năm 2008; Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 23/2006/NĐ-CP, ngày 03/3/2006 về thi hành Luật bảo vệ và Phát triển rừng; số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 218/QĐ-TTg ngày 07/02/2014 phê duyệt Chiến lược quản lý hệ thống rừng đặc dụng, khu bảo tồn biên, khu bảo tồn vùng nước nội địa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030; số 1976/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 phê duyệt quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ các Thông tư: Số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; số 05/2016/TT - BNV ngày 10/6/2016 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; số 58/2011/TT - BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê; số 18/2010/TT - BLĐTBH ngày 10/6/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 69/2011/TT - BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về hướng dẫn thực hiện một số nội dung quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ TTG ngày 12/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ; số 40/2013/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác điều tra quy hoạch rừng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 3857/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; số 87/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 về việc thành lập Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, huyện Quan Hóa; số 07/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 về việc phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, huyện Quan Hóa đến năm 2020; số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa; số 3406/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 về việc phê duyệt chủ trương lập dự án “Điều tra, bảo tồn loài Voọc xám (*Trachypithecus phayrei*), các loài Cu li (*Nycticebus spp.*) tại Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, huyện Quan Hóa”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4359/STC-TTTr ngày 04/10/2016 về việc phê duyệt dự án và dự toán kinh phí thực hiện Dự án “Điều tra, bảo tồn loài Voọc xám (*Trachypithecus phayrei*), các loài Cu li (*Nycticebus spp.*) tại Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, huyện Quan Hóa”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án và dự toán kinh phí thực hiện Dự án “Điều tra, bảo tồn loài Voọc xám (*Trachypithecus phayrei*), các loài Cu li (*Nycticebus spp.*) tại Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, huyện Quan Hóa”, với những nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Điều tra, bảo tồn loài Voọc xám (*Trachypithecus phayrei*), các loài Cu li (*Nycticebus spp.*) tại Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, huyện Quan Hóa.

2. Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư:

3.1. Mục tiêu chung: Điều tra, đánh giá được thực trạng quần thể loài Voọc xám (*Trachypithecus phayrei*) và các loài Cu li (*Nycticebus spp.*) đang có nguy cơ tuyệt chủng cao làm cơ sở đề xuất giải pháp bền vững để thúc đẩy, bảo tồn, phát triển tài nguyên đa dạng sinh học ở khu bảo tồn loài và trên địa bàn tỉnh.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn cho cán bộ khu bảo tồn và lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương về kiến thức nhận dạng, kỹ thuật điều tra, giám sát, bảo tồn các loài thú linh trưởng trên địa bàn.

- Xác định được hiện trạng quần thể và khu vực phân bố của loài Voọc xám, Cu li tại khu bảo tồn loài Nam Động.

- Xác định được đặc điểm sinh cảnh sống, tập tính của loài Voọc xám, các loài Cu li trong khu vực.

- Xác định được các mối đe dọa, tác động ảnh hưởng tiêu cực đến sự tồn tại và phát triển của Voọc xám, các loài Cu li trong khu bảo tồn.

- Đề xuất được các giải pháp bảo tồn khả thi, hiệu quả để gìn giữ, phát triển loài Voọc xám, các loài Cu li và sinh cảnh sống của chúng trong khu bảo tồn loài theo hướng bền vững.

4. Phạm vi, quy mô dự án

Theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Đông đến năm 2020; dự án có quy mô dự kiến thực hiện trên diện tích quy hoạch rừng đặc dụng là 646,95 ha và 3.315,53 ha rừng vùng đệm của khu bảo tồn.

5. Nội dung chính của dự án:

5.1. Thu thập thông tin, các tài liệu, công trình nghiên cứu cùng lĩnh vực: Điều tra, thu thập các báo cáo, công trình khoa học đã được công bố liên quan đến loài Voọc Xám, Culi làm cơ sở kế thừa, so sánh với kết quả thực hiện dự án; thu thập, kế thừa, bổ sung dữ liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực thực hiện dự án.

5.2. Tổ chức tập huấn: Tổ chức 2 lớp tập huấn về phương pháp, kỹ năng điều tra, nhận dạng loài, thu thập các chỉ tiêu theo dõi, giám sát, cập nhật biến động hiện trạng loài Voọc xám, các loài Culi trong khu bảo tồn.

5.3. Điều tra thực địa.

- Điều tra hiện trạng quần thể, khu vực phân bố của loài Voọc xám, các loài Culi hiện có tại khu bảo tồn.

- Điều tra sinh cảnh sống, thành phần thức ăn của loài Voọc xám, các loài Culi.

- Điều tra, xác định các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của quần thể Voọc xám, các loài Culi.

5.4. Thực hiện hoạt động giám sát: Xây dựng các chỉ tiêu giám sát và vùng giám sát; xác định các tuyến, điểm và quy trình giám sát, thu thập thông tin; thực hiện công tác giám sát và tổng hợp và phân tích thông tin giám sát.

5.5. Xử lý số liệu, tài liệu và thông tin thu thập trong quá trình điều tra, khảo sát thực địa và xây dựng các báo cáo, bản đồ chuyên đề.

5.6. Xây dựng kế hoạch bảo tồn; đề xuất giải pháp bảo tồn loài, sinh cảnh sống của loài Voọc xám, các loài Culi.

5.7. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng, học sinh và chính quyền địa phương về bảo tồn, phát triển loài Voọc xám, các loài Culi: Tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng, chính quyền địa phương và các hộ gia đình trên địa bàn. Xây dựng chuyên mục khoa học quảng bá tài nguyên ĐDSH, giá trị loài Voọc xám và các loài Culi.

5.8. Mua sắm trang thiết bị: Mua sắm dụng cụ (túi ngủ, tăng võng, bạt, giấy tắt đi rừng, quần áo bảo hộ...), thiết bị máy móc (bẫy ảnh, zoom máy ảnh...) phục vụ thực hiện dự án.

5.9. Hội thảo, tiếp thu ý kiến chuyên gia, các nhà quản lý về Kế hoạch bảo tồn, sản phẩm và kết quả dự án.

6. Sản phẩm của dự án:

- Báo cáo chính của dự án (Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án): 9 bộ.

- Báo cáo chuyên đề về phương pháp kế thừa số liệu, tài liệu, công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến loài Voọc xám, các loài Culi: 9 bộ

- Báo cáo chuyên đề phân tích về hiện trạng loài Voọc Xám, các loài Cu li từ kết quả phỏng vấn thu thập chứng cứ thông tin tại các thôn thuộc khu vực nghiên cứu dự án: 9 bộ

- Báo cáo chuyên đề về hiện trạng quần thể, khu vực phân bố, đặc điểm sinh học, sinh cảnh sống và tập tính hoạt động của loài Voọc xám, các loài Culi tại khu bảo tồn loài: 9 bộ

- Báo cáo chuyên đề về đặc điểm sinh cảnh, cấu trúc thực vật, thành phần thức ăn của loài Voọc xám, các loài Culi: 9 bộ

- Báo cáo đánh giá về di truyền và các thông tin di truyền loài Voọc xám, các loài Culi: 9 bộ

- Báo cáo chuyên đề về các mối đe dọa, tác động bất lợi từ cộng đồng đến công tác bảo tồn và phát triển loài Voọc xám, các loài Cu li hiện có trong khu bảo tồn: 9 bộ.

- Kế hoạch bảo tồn, các giải pháp bảo tồn và phát triển hiệu quả loài Voọc xám, các loài Cu li và sinh cảnh sống của chúng trong khu bảo tồn và vùng đệm: 9 bộ.

- Chuyên mục khoa học quảng bá tài nguyên ĐDSH và loài Voọc Xám, các loài Cu li: 9 đĩa.

- Hệ thống bản đồ tỷ lệ 1/10.000 và dữ liệu: 9 bộ.

7. Tổng kinh phí thực hiện dự án: 1.680.271.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

(Có phụ biểu chi tiết đính kèm)

8. Phân kỳ đầu tư:

- Năm 2017: 897.000.000 đồng.

- Năm 2018: 783.271.000 đồng.

9. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: Trong 2 năm (2017 - 2018).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa (Chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức triển khai thực hiện; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

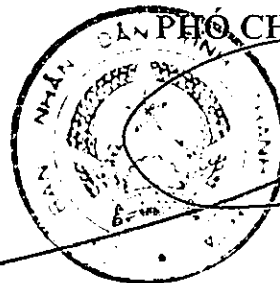
Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ đầu tư; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, NN.
- (Truc101)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

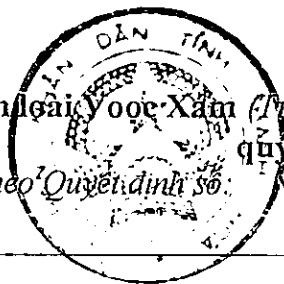


Nguyễn Đức Quyền

Biểu 01: TỔNG HỢP KINH PHÍ
Dự án: Điều tra, bảo tồn loài Voọc Xám (*Trachypithecus phayrei*), Cu li (*Nycticebuts spp.*) tại Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Đông, huyện Quan Hóa"
 (Kèm theo Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: nghìn đồng

TT	NỘI DUNG	Kinh phí
I	Chi phí trực tiếp	1.364.283
1	Công tác chuẩn bị	12.144,5
2	Điều tra, khảo sát thực địa	1.082.438
-	Xây dựng bộ phiếu biểu điều tra	6.000
-	Tổ chức tập huấn phương pháp, kỹ năng điều tra, nhận dạng loài, thu thập các chỉ tiêu theo dõi, giám sát, cập nhật biến động hiện trạng loài Voọc xám, các loài Culi	59.100
-	Điều tra hiện trạng quần thể, phân bố của loài Voọc xám, các loài Culi	871.618
-	Điều tra xác định các yếu tố ảnh hưởng (Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội) đến sự tồn tại và phát triển của quần thể Voọc xám, Culi trong vùng dự án.	32.720
-	Phân tích đánh giá di truyền và các thông tin di truyền về loài Voọc xám và các loài Culi	113.000
3	Thực hiện hoạt động giám sát quần thể loài	133.460
4	Đề xuất các giải pháp bảo tồn loài Voọc xám, các loài Culi và sinh cảnh của chúng ở khu bảo tồn.	8.000
5	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng, học sinh và chính quyền địa phương về bảo tồn loài Voọc xám và các loài Culi	98.920
-	Tập huấn luyện nâng cao nhận thức cho cộng đồng và chính quyền địa phương	13.920
-	In ấn tờ bướm tuyên truyền bảo tồn loài Voọc xám, các loài Culi	35.000
-	Phối hợp với Đài truyền hình Thanh Hóa xây dựng chuyên mục khoa học quảng bá tài nguyên ĐDSH, loài Voọc xám và các loài Culi	50.000
6	Tổ chức hội thảo đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các nhà quản lý về kết quả dự án	29.320
II	Nguyên vật liệu, thiết bị	149.600
III	Chi phí chung (5%(I+II))	-
IV	Thuế giá trị gia tăng (5%*(I+II+III))	75.694
V	Chi phí lập dự án (2%*(I+II+III))	15.000
VI	Chi phí quản lý dự án (8% *(I+II+III))	75.694
Tổng (I+II+III+IV+V+VI)		1.680.271



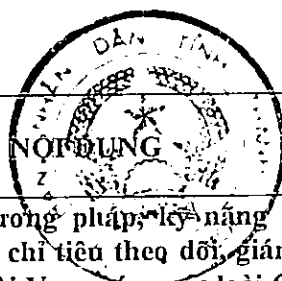
Biểu 02: DỰ TOÁN CHI TIẾT

Dự án: Điều tra, bảo tồn loài Vọc Xám (*Trachypithecus phayrei*), Cu li (*Nycticebus spp.*) tại Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Đông, huyện Quan Hóa"

(Kèm theo Quyết định số: 4110 /QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DVT: nghìn đồng

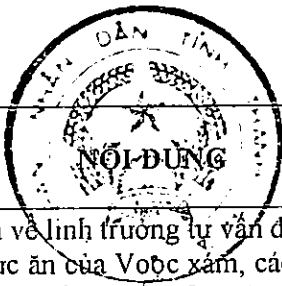
TT	NỘI DUNG	DVT	Khối lượng	Định mức	Tổng số công	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ lập dự toán
1	Chi phí trực tiếp						1.364.283	
1	Công tác chuẩn bị						12.144,5	
1.1	Thu thập, phân tích tài liệu và các bản đồ liên quan phục vụ công trình							Mục 9-a -Quyết định 487/QĐ-BNN-TCCB
-	Thu thập các báo cáo, công trình nghiên cứu KH có liên quan về Vọc xám	CT	1	15,0	15,0	183,2	2.747,3	
-	Thu thập các báo cáo, công trình nghiên cứu khoa học có liên quan về Culi	CT	1	15,0	15,0	183,2	2.747,3	
-	Thu thập, bổ sung các tài liệu về điều kiện tự nhiên, KTXH vùng dự án	CT	1					
1.2	Chuẩn bị dụng cụ kỹ thuật, đời sống	CT	1	10,0	10,0	165,0	1.650,0	
1.3	Báo cáo chuyên đề phương pháp kế thừa số liệu, tài liệu, các công trình nghiên cứu	Báo cáo	1			5.000	5.000,0	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính
2	Điều tra, khảo sát thực địa						1.082.438	
2.1	Xây dựng bộ phiếu biểu điều tra						6.000	
-	Bộ phiếu biểu điều tra, phỏng vấn cộng đồng người dân địa phương (khoảng 30-40 chỉ tiêu)	Bộ phiếu	1			1.000	1.000	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính
-	Bộ phiếu biểu điều tra hiện trạng quần thể, khu vực phân bố loài Vọc xám, các loài Culi (khoảng 30-40 chỉ tiêu)	Bộ phiếu	1			1.000	1.000	
-	Bộ phiếu biểu điều tra, phân chia sinh cảnh và xác định phân bố của loài Vọc xám, các loài Culi (khoảng 30-40 chỉ tiêu)	Bộ phiếu	1			1.000	1.000	
-	Bộ phiếu biểu điều tra, thu thập thông tin về tập tính của loài Vọc xám, các loài Culi (khoảng 30-40 chỉ tiêu)	Bộ phiếu	1			1.000	1.000	
-	Bộ phiếu biểu điều tra, thu thập thông tin về thức ăn của loài Vọc xám, các loài Culi (khoảng 30-40 chỉ tiêu)	Bộ phiếu	1			1.000	1.000	
-	Bộ phiếu biểu điều tra xác định mối đe dọa đến sự tồn tại, phát triển của loài, sinh cảnh sống của loài Vọc xám, Cu li.	Bộ phiếu	1			1.000	1.000	



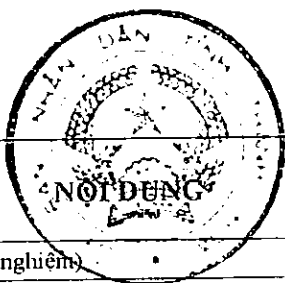
TT		DVT	Khối lượng	Định mức	Tổng số công	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ lập dự toán
2.2	Tổ chức tập huấn phương pháp, kỹ năng điều tra, nhận dạng loài, thu thập các chỉ tiêu theo dõi, giám sát, cập nhật biến động hiện trạng loài Voọc xám, các loài Culi						59.100,0	
2.2.1	Tập huấn phương pháp, kỹ năng điều tra, nhận dạng loài Voọc xám, các loài Culi						34.520,0	
-	Thuê hội trường, loa đài và máy chiếu	Ngày	3			1.500	4.500	QĐ 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 của UBND tỉnh và chi phí thực tế
-	Chè nước (45 người x 3 ngày)	Ngày	135			30	4.050	
-	In ấn, phô tô tài liệu tập huấn	Bộ	45			50	2.250	Giá thực tế
-	Maket	Bộ	1			500	500	Giá thực tế
-	Chi phí thuê chuyên gia soạn bài, giảng bài (2 người x 3 ngày, mức chi chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm từ 10 đến 15 năm mức lương trọn gói không quá 20.000.000 đồng/tháng)	Ngày	6			900	5.400	Thông tư số 18/2010/TT-BLDTBXH ngày 10/6/2010 của Bộ LĐTBXH
-	Phụ cấp lưu trú cho giảng viên, cán bộ kiểm lâm phục vụ triển khai, tổ chức tập huấn (3 người x 3 ngày = 9 ngày)	Ngày	9			180	1.620	Quyết định số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 của UBND tỉnh và chi phí thực tế
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ tham gia tập huấn (03 ngày x 45 người)	Người	135			120	16.200	
2.2.2	Tập huấn cho KLDB, KLTK, cán bộ khu bảo tồn về kỹ năng thu thập các chỉ tiêu theo dõi tập tính, giám sát, cập nhật biến động hiện trạng loài Voọc xám, các loài Culi						24.580,0	
-	Thuê hội trường, loa đài và máy chiếu	Ngày	3			1.500	4.500	QĐ 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 của UBND tỉnh và chi phí thực tế
-	Chè nước (25 người x 3 ngày)	Ngày	75			30	2.250	
-	In ấn, phô tô tài liệu tập huấn	Bộ	25			50	1.250	Giá thực tế
-	Maket	Bộ	1			500	500	Giá thực tế
-	Chi phí thuê chuyên gia soạn bài, giảng bài (2 người x 3 ngày, mức chi chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm từ 10 đến 15 năm mức lương trọn gói không quá 20.000.000 đồng/tháng)	Ngày	6			1.000	6.000	Thông tư số 18/2010/TT-BLDTBXH ngày 10/6/2010 của Bộ LĐTBXH
-	Phụ cấp lưu trú cho giảng viên (2 người x 3 ngày = 6 ngày)	Ngày	6			180	1.080	Quyết định số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 của UBND tỉnh và chi phí thực tế
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ tham gia tập huấn (03 ngày x 25 người)	Người	75			120	9.000	
2.3	Điều tra hiện trạng quần thể, phân bố của loài Voọc xám, các loài Culi						871.618	



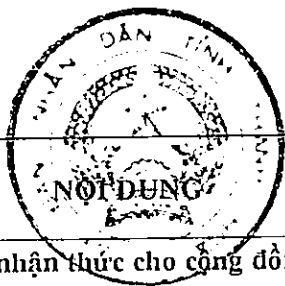
TT		DVT	Khối lượng	Định mức	Tổng số công	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ lập dự toán
2.3.1	Điều tra phỏng vấn thợ săn và người dân kinh nghiệm để thu thập thông tin về loài Voọc xám, Culi						41.000	
-	Phô tô phiếu biểu điều tra (1 phiếu/người x 20 thợ săn, người dân/thôn x 12 thôn x 2 chuyên đề Voọc xám và Culi)	Phiếu	480			25	12.000	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính
-	Hỗ trợ cá nhân cung cấp thông tin	Người	240			40	9.600	
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ điều tra (03 người/thôn x 12 thôn x 2 ngày)	Ngày	72			120	8.640	QĐ số 2894/2015/QĐ-UBND, ngày 05/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
-	Hỗ trợ thuê chỗ nghỉ (12 thôn x 2 ngày đêm x 2 phòng)	Ngày	48			120	5.760	
-	Báo cáo phân tích chuyên đề	B. cáo	1			5.000	5.000	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính
2.3.2	Điều tra thực địa tại rừng thu thập thông tin về hiện trạng quần thể, phân bố, đặc điểm sinh học, sinh cảnh sống và tập tính, thức ăn hoạt động của loài Voọc xám, các loài Culi (điều tra ban ngày đối với Voọc xám, ban đêm đối với Culi)						463.000	
-	Thuê 01 chuyên gia tư vấn điều tra (01 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 5 ngày/tuyến x 2 năm)	Ngày	240			900	216.000	Thông tư số 18/2010/TT-BLDTBXH
-	Thuê người dân dẫn đường (01 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 5 ngày/tuyến x 2 năm)	Ngày	240			150,0	36.000	TT 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011
-	Thuê người dân vác đồ leo rừng (01 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 5 ngày/tuyến x 2 năm)	Ngày	240			200,0	48.000	Giá thực tế
-	Hỗ trợ cán bộ khu bảo tồn tham gia điều tra (03 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 5 ngày/tuyến x 2 năm)							
+	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ điều tra	Ngày	480			180	86.400	QĐ 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 của UBND tỉnh
+	Thuê khoán chỗ nghỉ cho cán bộ tham gia điều tra	Ngày	480			120	57.600	
-	Báo cáo chuyên đề hiện trạng quần thể, phân bố, đặc điểm sinh học, sinh cảnh sống và tập tính hoạt động của loài Voọc xám	Báo cáo	1			5.000	5.000	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính
-	Xây dựng, in ấn bản đồ VN2000 hiện trạng, phân bố loài Voọc xám	Bản đồ	1			12.000	12.000	
-	Đĩa DVD ghi dữ liệu (âm thanh, hình ảnh...)	Đĩa	10			200	2.000	
2.3.3	Điều tra, xác định cấu trúc sinh cảnh, thành phần thức ăn của loài Voọc xám và các loài Culi.						367.618	



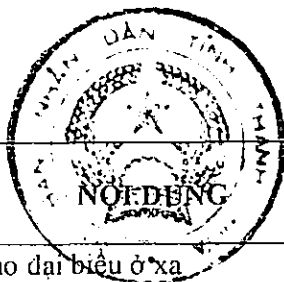
TT		DVT	Khối lượng	Định mức	Tổng số công	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ lập dự toán
-	Thuê 01 chuyên gia về lĩnh vực rừng tự nhiên điều tra sinh cảnh, xác định thành phần thức ăn của Voọc xám, các loài Cu li (01 người/3 đợt/năm x 12 tuyến x 3 ngày đêm/tuyến x 2 năm)	Ngày	216			900	194.400	Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH
-	Điều tra dấu vết thức ăn của loài Voọc xám, các loài Cu li (06 ÔTC/tuyến x 12 tuyến x 2 năm)	ÔTC	144	10		383,5	55.218	Mục 9-b -Quyết định 487/QĐ-BNN-TCCB
-	Thuê người dân dẫn đường, vác đồ, phát dọn tuyến, đường ranh giới ÔTC (01 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 3 ngày đêm/tuyến x 2 năm)	Ngày	144			150,0	21.600	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ điều tra (02 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 3 ngày đêm/tuyến x 2 năm)	Ngày	288			180	51.840	QĐ 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 của UBND tỉnh
-	Thuê khoán chỗ nghỉ cho cán bộ tham gia điều tra	Ngày	288			120	34.560	
-	Chi phí vật tư văn phòng phẩm	Tron gói	1				5.000	Giá thực tế
-	Báo cáo chuyên đề về cấu trúc sinh cảnh, thành phần thức ăn của loài Voọc xám và các loài Cu li	B.cáo	1			5.000	5.000	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính
2.4	Điều tra xác định các yếu tố ảnh hưởng (Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội) đến sự tồn tại và phát triển của quần thể Voọc xám, Culi trong vùng dự án.						32.720	
-	Phô tô phiếu biểu điều tra (2 phiếu/người x 15 người/thôn x 12 thôn)	Phiếu	360			25	9.000	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính
-	Hỗ trợ cá nhân cung cấp thông tin	Người	180			40	7.200	
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ điều tra (02 người/thôn x 12 thôn x 2 ngày)	Ngày	48			180	8.640	QĐ số 2894/2015/QĐ-UBND, ngày 05/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
-	Hỗ trợ thuê chỗ nghỉ (12 thôn x 2 ngày đêm x 1 phòng)	Ngày	24			120	2.880	
-	Báo cáo phân tích chuyên đề	Báo cáo	1			5.000	5.000	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính
2.5	Phân tích đánh giá di truyền và các thông tin di truyền về loài Voọc xám và các loài Culi						113.000	
-	Giám định DNA mẫu da (3 mẫu/loài x 3 loài) để xác định loài và thông tin di truyền (Hóa chất + thực nghiệm)	Mẫu	9			3.000	27.000	
-	Giám định DNA mẫu lông (3 mẫu/loài x 3 loài) để xác định loài và thông tin di truyền (Hóa chất + thực nghiệm)	Mẫu	9			3.000	27.000	
-	Giám định DNA mẫu xương để xác định loài và thông tin di	Mẫu	9			3.000	27.000	



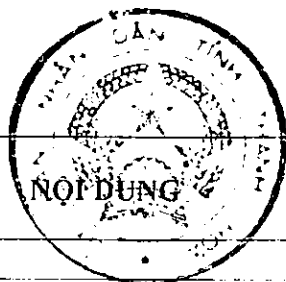
TT		DVT	Khối lượng	Định mức	Tổng số công	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ lập dự toán
	truyền (Hóa chất + thực nghiệm)							
-	Giám định hóa nghiệm DNA mẫu phân để xác định loài và thông tin di truyền (Hóa chất + thực nghiệm)	Mẫu	9			3.000	27.000	
-	Báo cáo đánh giá về di truyền và các thông tin di truyền của loài Vọc xám và các loài Culi	Báo cáo	1			5.000	5.000	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính
3	Thực hiện hoạt động giám sát quần thể loài						133.460	
3.1	Xây dựng chỉ số giám sát, xác định tuyến giám sát						12.900	
-	Thuê chuyên gia thu thập, tổng hợp thông tin GPS được điều tra (10 ngày gồm phân tích tổng hợp số liệu 2 ngày; đi hiện trường 5 ngày; xây dựng chương trình và viết báo cáo 3 ngày)	Ngày	10			900	9.000	Phối hợp với điều tra
-	Phụ cấp cho cán bộ khu bảo tồn tham gia (3 người đi hiện trường)	Ngày	15			180	2.700	
-	Hỗ trợ thuê chỗ nghỉ (5 ngày đêm x 2 phòng)	Ngày	10			120	1.200	
3.2	Thiết kế các tuyến, điểm giám sát						12.560	
-	Thuê chuyên gia tham gia (1 người)	Ngày	5			900	4.500	Phối hợp với điều tra
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ (3 người x 5 ngày)	Ngày	15			180	2.700	
-	Hỗ trợ thuê chỗ nghỉ (5 ngày đêm x 2 phòng)	Ngày	28			120	3.360	
-	Thuê người dân dẫn đường, vác đồ leo rừng (02 người x 5 ngày)	Ngày	10			200	2.000	
3.3	Tổ chức giám sát						108.000	
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ (1 người x 12 tuyến x 5 ngày/tuyến x 4 đợt/năm x 1 năm)	Ngày	240			180	43.200	Cán bộ kiểm lâm đã đi cùng với các chuyên gia đi điều tra nên đề nghị không cần giám sát
-	Thuê dân tham gia (1 người x 12 tuyến x 5 ngày/tuyến x 4 đợt/năm x 1 năm)	Ngày	240			150	36.000	
-	Hỗ trợ thuê chỗ nghỉ	Ngày	240			120	28.800	
4	Đề xuất các giải pháp bảo tồn loài Vọc xám, các loài Culi và sinh cảnh của chúng ở khu bảo tồn.	KII	1			8.000	8.000	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011
5	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng, học sinh và chính quyền địa phương về bảo tồn loài Vọc xám và các loài Culi						98.920	



TT	NỘI DUNG	ĐVT	Khối lượng	Định mức	Tổng số công	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ lập dự toán
5.1	Tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng và chính quyền địa phương						13.920	
-	Chi phí thuê chuyên gia soạn bài, giảng bài (2 người x 2 ngày)	Ngày	4			900	3.600	Thông tư số 18/2010/TT-BLDTBXH
-	Thuê hội trường, loa đài và máy chiếu (2 ngày)	Ngày	2			1.000	2.000	Giá thị trường
-	Chè nước (10 người/xã x 4 xã x 2 ngày)	Ngày	80			30	2.400	QĐ 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 của UBND tỉnh
-	In ấn, phô tô tài liệu	Bộ	40			30	1.200	Thực tế
-	Chi phí cho học viên tham gia tập huấn	Người	80				-	QĐ 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 của UBND tỉnh
+	Phụ cấp lưu trú	Người	80			50	4.000	
-	Hỗ trợ cán bộ khu bảo tồn tham gia hỗ trợ tập huấn (2 người x 2 ngày)	Ngày	4			180	720	
5.2	In ấn tờ bướm tuyên truyền bảo tồn loài Voọc xám, các loài Culi						35.000	
-	Biên tập tờ bướm	C. trình	1			5.000	5.000	Giá thị trường
-	In ấn tờ bướm	Tờ	3000			10	30.000	Giá thị trường
5.3	Phối hợp với Đài truyền hình Thanh Hóa xây dựng chuyên mục khoa học quảng bá tài nguyên ĐDSH, loài Voọc xám và các loài Culi	Chuyên mục	1			50.000	50.000	
6	Tổ chức hội thảo đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các nhà quản lý về kết quả dự án						29.320	
-	Hội trường, loa đài	Ngày	1			1.500	1.500	
-	Maket	Bộ	1			500	500	
-	Chủ trì hội thảo	Buổi	1			1.200	1.200	Quyết định số 5681/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015
-	Thư ký	Buổi	1			400	400	
-	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Bài	5			1.600	8.000	
-	Báo cáo tham luận	Bài	8			800	6.400	
-	Nước uống	Người	40			30	1.200	QĐ 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 của UBND tỉnh
-	Thành viên tham gia hội thảo	Người	25			160	4.000	Quyết định số 5681/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015



TT		DVT	Khối lượng	Định mức	Tổng số công	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ lập dự toán
-	Thuê phòng nghỉ cho đại biểu ở xa	Người	8			240	1.920	QĐ 2894/2015/QĐ-UBND ngày 5/8/2015 của UBND tỉnh
-	In ấn, phô tô tài liệu	Bộ	40			100	4.000	
-	Phục vụ hội thảo	Người	1			200	200	
II	Nguyên vật liệu, thiết bị						149.600	
I	Văn phòng phẩm						41.200	
-	Giấy gam	Gam	10			70	700	
-	Giấy in bản đồ	Cuộn	15			200	3.000	
-	Giấy can	Mét	50			20	1.000	
-	Bút, tẩy các loại	Cái	10			15	150	
-	Cấp dụng tài liệu	Cái	20			30	600	
-	Gim, kẹp các loại	hộp, cái	50			10	500	
-	Pin cho máy ảnh, GPS phục vụ điều tra	Hộp	50			100	5.000	
-	Pho tô các loại biểu, báo cáo	Tờ	1500			0,5	750	
-	Pho tô nhân bản đóng quyển	Quyển	50			200	10.000	
-	Pho tô các loại bản đồ	Bộ	15			1.000	15.000	
-	Bút dùng cho khoan vẽ, đánh dấu tuyến	Cái	50			90	4.500	
2	Dụng cụ						63.400	
-	Dụng cụ thu mẫu DNA	Bộ	3			4.200	12.600	
-	Thuốc phòng	Liều	30			300	9.000	
-	Túi ngủ	Túi	5			2.000	10.000	
-	Võng, bat	Bộ	8			600	4.800	
-	Đèn treo trần	Cái	15			400	6.000	
-	Balo chống thấm	Cái	10			800	8.000	
-	Quần áo, dây, tất chống vắt, mũ đi rừng	Bộ	10			1.000	10.000	
-	Đèn pin chống nước	Cái	20			150	3.000	
2	Thiết bị máy móc						45.000	
-	Zoom máy ảnh kỹ thuật số hãng Canon	Cái	1			5.000	5.000	Bảo giá, giá thực tế thị trường



TT	NỘI DUNG	DVT	Khối lượng	Định mức	Tổng số công	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ lập dự toán
-	Bầy ảnh	Bộ	2			20.000	40.000	
III	Chi phí chung (5%(I+II))						-	Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
IV	Thuế giá trị gia tăng (5%*(I+II+III))						75.694	
V	Chi phí lập dự án						15.000	
VI	Chi phí quản lý dự án (5% *(I+II+III))						75.694	
Tổng (I+II+III+IV+V+VI)							1.680.217	

Biểu 03: PHÂN KỲ KINH PHÍ ĐẦU TƯ

Dự án: Điều tra, bảo tồn loài Voọc Xám (*Trachypithecus phayrei*), Cu li (*Nycticebus spp.*) tại Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Đông, huyện Quan Hóa"
 (Kèm theo Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: nghìn đồng

TT	NỘI DUNG	Kinh phí	Phân kỳ đầu tư	
			2017	2018
1	Chi phí trực tiếp	1.364.282,7	647.154	717.129
1	Công tác chuẩn bị	12.144,5	12.144,5	-
1.1	Thu thập, phân tích tài liệu và các bản đồ liên quan phục vụ công trình	5.494,5	5.494,5	
1.2	Chuẩn bị dụng cụ kỹ thuật, đời sống	1.650,0	1.650,0	
1.3	Báo cáo chuyên đề phương pháp kế thừa số liệu, tài liệu, các công trình nghiên cứu	5.000,0	5.000,0	
2	Điều tra, khảo sát thực địa	1.082.438,2	541.629,1	540.809
2.1	Xây dựng bộ phiếu biểu điều tra	6.000	3.000	3.000
-	Bộ phiếu biểu điều tra, phỏng vấn cộng đồng người dân địa phương (khoảng 30-40 chi tiêu)	1.000	1.000	
-	Bộ phiếu biểu điều tra hiện trạng quần thể, khu vực phân bố loài Voọc xám, các loài Culi (khoảng 30-40 chi tiêu)	1.000	1.000	
-	Bộ phiếu biểu điều tra phân chia sinh cảnh và xác định phân bố loài Voọc xám, các loài Culi (khoảng 30-40 chi tiêu)	1.000		1.000
-	Bộ phiếu biểu điều tra, thu thập thông tin về tập tính loài Voọc xám, các loài Culi (khoảng 30-40 chi tiêu)	1.000		1.000
-	Bộ phiếu biểu điều tra, thu thập thông tin về thức ăn của loài Voọc xám, các loài Culi (khoảng 30-40 chi tiêu)	1.000		1.000
-	Bộ phiếu biểu điều tra, xác định mối đe dọa đến sự tồn tại, phát triển của loài, sinh cảnh sống của loài Voọc xám, các loài Culi (khoảng 30-40 chi tiêu)	1.000	1.000	
2.2	Tổ chức tập huấn phương pháp, kỹ năng điều tra, nhận dạng loài, thu thập các chỉ tiêu theo dõi, giám sát, cập nhật biến động hiện trạng loài Voọc xám, các loài Culi	59.100	59.100	
2.2.1	Tập huấn phương pháp, kỹ năng điều tra, nhận dạng loài Voọc xám, các loài Culi	34.520	34.520	
2.2.2	Tập huấn cho KLĐB, KLTK, cán bộ khu bảo tồn về kỹ năng thu thập các chỉ tiêu theo dõi, giám sát, cập nhật biến động hiện trạng loài Voọc xám, các loài Culi	24.580	24.580	
2.3	Điều tra hiện trạng quần thể, phân bố của loài Voọc xám, các loài Culi	871.618	446.809,1	424.809
2.3.1	Điều tra phỏng vấn thợ săn và người dân kinh nghiệm để thu thập thông tin về loài Voọc xám, các loài Culi	41.000	41.000	

TT	NỘI DUNG	Kinh phí	Phân kỳ đầu tư	
			2017	2018
2.3.2	Điều tra thực địa tại rừng thu thập thông tin về hiện trạng quần thể, phân bố, đặc điểm sinh học, sinh cảnh sống và tập tính hoạt động của loài Voọc xám, các loài Culi (điều tra ban ngày đối với Voọc xám, ban đêm đối với Culi)	463.000	222.000	241.000
-	Thuê 02 chuyên gia tư vấn điều tra (02 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 5 ngày/tuyến x 2 năm)	216.000	108.000	108.000
-	Thuê người dân dẫn đường (02 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 5 ngày/tuyến x 2 năm)	36.000	18.000	18.000
-	Thuê người dân vác đồ leo rừng (02 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 5 ngày/tuyến x 2 năm)	48.000	24.000	24.000
-	Hỗ trợ cán bộ khu bảo tồn tham gia điều tra (03 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 5 ngày/tuyến x 2 năm)	144.000	72.000	72.000
+	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ điều tra	86.400	43.200	43.200
+	Thuê khoán chỗ nghỉ cho cán bộ tham gia điều tra	57.600	28.800	28.800
-	Báo cáo chuyên đề hiện trạng quần thể, phân bố, đặc điểm sinh học, sinh cảnh sống và tập tính hoạt động của loài Voọc xám, các loài Culi	5.000		5.000
-	Xây dựng, in ấn bản đồ VN2000 hiện trạng, phân bố loài Voọc xám, các loài Culi	12.000		12.000
-	Đĩa DVD ghi dữ liệu (âm thanh, hình ảnh...)	2.000		2.000
2.3.3	Điều tra, xác định cấu trúc sinh cảnh, thành phần thức ăn của loài Voọc xám và các loài Cu li.	367.618	183.809	183.809
-	Thuê 01 chuyên gia về lĩnh vực tư vấn điều tra sinh cảnh, xác định thành phần thức ăn của Voọc xám, các loài Cu li (01 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 3 ngày đêm/tuyến x 2 năm)	194.400	97.200	97.200
-	Điều tra dấu vết thức ăn của loài Voọc xám, các loài Cu li (05 ÔTC/tuyến x 12 tuyến x 2 năm)	55.218	27.609	27.609
-	Thuê người dân dẫn đường, vác đồ, phát dọn tuyến, đường ranh giới ÔTC (03 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 3 ngày đêm/tuyến x 2 năm)	21.600	10.800	10.800
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ điều tra (03 người/2 đợt/năm x 12 tuyến x 3 ngày đêm/tuyến x 2 năm)	51.840	25.920	25.920
-	Thuê khoán chỗ nghỉ cho cán bộ tham gia điều tra	34.560	17.280	17.280
-	Chi phí vật tư văn phòng phẩm	5.000	5.000	
-	Báo cáo chuyên đề về cấu trúc sinh cảnh, thành phần thức ăn của loài Voọc xám và các loài Cu li	5.000		5.000
2.4	Điều tra xác định các yếu tố ảnh hưởng (Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội) đến sự tồn tại và phát triển của quần thể Voọc xám, Culi trong vùng dự án.	32.720	32.720	
-	Phô tô phiếu biểu điều tra (2 phiếu/người x 15 người/thôn x 12 thôn)	9.000	9.000	
-	Hỗ trợ cá nhân cung cấp thông tin	7.200	7.200	
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ điều tra (02 người/thôn	8.640	8.640	

TT	NỘI DUNG	Kinh phí	Phân kỳ đầu tư	
			2017	2018
	x 12 thôn x 2 ngày)			
-	Hỗ trợ thuê chỗ nghỉ (12 thôn x 2 ngày đêm x 1 phòng)	2.880	2.880	
-	Báo cáo phân tích chuyên đề	5.000	5.000	
2.5	Phân tích đánh giá di truyền và các thông tin di truyền về loài Vọc xám và các loài Culi			113.000
-	Giám định DNA mẫu da (3 mẫu/loài x 3 loài) để xác định loài và thông tin di truyền (Hóa chất + thực nghiệm)	27.000		27.000
-	Giám định DNA mẫu lông (3 mẫu/loài x 3 loài) để xác định loài và thông tin di truyền (Hóa chất + thực nghiệm)	27.000		27.000
-	Giám định DNA mẫu xương để xác định loài và thông tin di truyền (Hóa chất + thực nghiệm)	27.000		27.000
-	Giám định hóa nghiệm DNA mẫu phân để xác định loài và thông tin di truyền (Hóa chất + thực nghiệm)	27.000		27.000
-	Báo cáo đánh giá về di truyền và các thông tin di truyền của loài Vọc xám và các loài Culi	5.000		5.000
3	Thực hiện hoạt động giám sát quần thể loài	133.460	79.460	54.000
3.1	Xây dựng chỉ số giám sát, xác định tuyến giám sát	12.900	12.900	
3.2	Thiết kế các tuyến, điểm giám sát	12.560	12.560	
3.3	Tổ chức giám sát	108.000	54.000	54.000
4	Đề xuất các giải pháp bảo tồn loài Vọc xám, các loài Culi và sinh cảnh của chúng ở khu bảo tồn.	8.000	8.000	8.000
5	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng, học sinh và chính quyền địa phương về bảo tồn loài Vọc xám và các loài Culi	98.920	13.920	85.000
5.1	Tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng và chính quyền địa phương	13.920	13.920	
5.2	Xây dựng tờ bướm tuyên truyền bảo tồn loài Vọc xám, các loài Culi	35.000		35.000
5.3	Phối hợp với Đài truyền hình Thanh Hóa xây dựng chuyên mục khoa học quảng bá tài nguyên ĐDSH, loài Vọc xám và các loài Culi	50.000		50.000
6	Tổ chức hội thảo đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các nhà quản lý về kết quả dự án	29.320		29.320
II	Nguyên vật liệu, thiết bị	149.600	149.600	
1	Văn phòng phẩm	41.200	41.200	
2	Dụng cụ	63.400	63.400	
3	Thiết bị máy móc	45.000	45.000	
III	Chi phí chung (5%(I+II))			
IV	Thuế giá trị gia tăng (5%*(I+II+III))	75.694	39.838	35.856
V	Chi phí lập dự án	15.000	15.000	
VI	Chi phí quản lý dự án (5% *(I+II+III))	75.694	45.409	30.285
Tổng (I+II+III+IV+V+VI)		1.680.217	897.000	783.217